

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4022/2024/KDTM-ST

Ngày: 28-8-2024

V/v Tranh chấp về hợp đồng thuê tàu.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Phước.
- Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 99/2002/TLST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tàu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6666/2024/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C;

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà T, số A N, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Huy V và ông Đinh Ngọc L là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2022).

Bị đơn: Công ty TNHH T5;

Địa chỉ: Số B đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T, sinh ngày: 15/3/1983, Số CCCD: 038083008824 cấp ngày 30/8/2017.

Địa chỉ: A H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; các bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH T5 có ông Trần Huy V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/07/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần H2 (M) và Công ty Cổ phần C ký Hợp đồng thuê tàu trần. Theo đó, Ngân hàng H cho Công ty C thuê cả đội tàu gồm 35 con tàu (trong đó bao gồm 02 (hai) tàu Công Minh 18 và H) nêu trên. Hợp đồng cũng quy định Công ty C có quyền cho bên thứ ba thuê lại các Tàu.

Căn cứ vào Hợp đồng thuê tàu trần đã ký với Ngân hàng nêu trên, ngày 05/3/2019 VSG và Công ty TNHH T5 (Công ty T5) đã ký Hợp đồng thuê tàu trần số: 01/2019/VSG-HT (Hợp đồng số 01) và Hợp đồng thuê tàu trần số: 02/2019/VSG-HT (Hợp đồng số 02). Theo đó, Công ty C cho Công ty T5 thuê 02 tàu là tàu mang tên Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619 với nội dung cơ bản hai bên thỏa thuận như sau:

1. Hợp đồng số 01: Công ty C cho Công ty T5 thuê tàu Công Minh 18 với những nội dung cơ bản sau: Giá thuê Tàu: 200.000.000 đồng/tháng (đã bao gồm VAT); Thời hạn thuê: 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày bàn giao tàu; Kỳ thanh toán và hình thức thanh toán: Thanh toán từ ngày 15 đến ngày 25 (vào ngày làm việc) hằng tháng. Trường hợp thời điểm thanh toán rơi vào những ngày nghỉ lễ, tết thì thời điểm thanh toán là ngày làm việc kế tiếp. Đặt cọc: Để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp Đồng, Bên thuê có nghĩa vụ đặt cọc số tiền là 1.000.000.000 VNĐ. Việc đặt cọc sẽ được thực hiện thành 02 đợt:

Đợt 1: Bên thuê tàu chuyển cho Bên cho thuê tàu một phần tiền đặt cọc có giá trị: 600.000.000 VNĐ trong vòng 05 ngày sau khi ký Hợp Đồng 01.

Đợt 2: Bên thuê tàu chuyển cho Bên cho thuê tàu phần tiền đặt cọc còn lại có giá trị 400.000.000 đồng trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày Tàu lên đà sửa chữa định kỳ hoặc trung gian theo yêu cầu của Đăng kiểm.

Về chấm dứt hợp đồng: Hợp đồng được chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau: Thời hạn thuê Tàu kết thúc mà các bên không có thỏa thuận gia hạn. Do lỗi của Bên thuê tàu

Lãi chậm thanh toán: Theo mức lãi suất bằng 15%/năm và thời gian thực tế chậm thanh toán.

Phạt do chậm bàn giao tàu: Bằng 8% tiền thuê tàu cho những ngày chậm hoàn trả tàu. Ngoài ra, Hợp đồng còn quy định về bồi thường thiệt hại và một số điều khoản khác.

2. Hợp đồng số 02: Công ty C cho Công ty T5 thuê tàu Hải Phương 619 (Sau đây gọi tắt là “Tàu” hoặc “Con tàu”) với những nội dung cơ bản sau:

Giá thuê Tàu: 400.000.000 đồng/tháng, đã bao gồm VAT; thời hạn thuê: 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày bàn giao tàu; kỳ thanh toán và hình thức thanh toán: Thanh toán từ ngày 15 đến ngày 25 (vào ngày làm việc) hằng tháng. Trường

hợp thời điểm thanh toán rơi vào những ngày nghỉ lễ, tết thì thời điểm thanh toán là ngày làm việc kế tiếp.

Đặt cọc: Để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp Đồng, Bên thuê có nghĩa vụ đặt cọc số tiền là 2.500.000.000 VNĐ. Việc đặt cọc sẽ được thực hiện thành 02 đợt:

Đợt 1: Bên thuê tàu chuyển cho Bên cho thuê tàu một phần tiền đặt cọc có giá trị: 1.500.000.000 trong vòng 05 ngày sau khi ký Hợp Đồng 02.

Đợt 2: Bên thuê tàu chuyển cho Bên cho thuê tàu phần tiền đặt cọc còn lại có giá trị 1.000.000.000 VNĐ trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày tàu lên đà sửa chữa định kỳ hoặc trung gian theo yêu cầu của Đăng kiểm.

Về chấm dứt Hợp đồng: Hợp đồng được chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

Thời hạn thuê Tàu kết thúc mà các bên không có thỏa thuận gia hạn.

Do lỗi của Bên thuê tàu.

Bên cho thuê tàu có quyền rút tàu khỏi quá trình khai thác của bên thuê tàu và chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng việc gửi một thông báo bằng văn bản đến bên thuê tàu, phạt vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu: Bên thuê tàu vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào đối với Bên cho thuê tàu theo Hợp đồng này quá 30 ngày làm việc.

Về hoàn trả tàu:

Khi Hợp đồng này chấm dứt, con tàu sẽ được Bên thuê hoàn trả cho bên cho thuê tại bất kỳ cầu cảng nào tại Việt Nam, và vào bất kỳ thời gian nào ban ngày hoặc ban đêm bao gồm cả chủ nhật và ngày lễ nhưng không muộn hơn ngày kết thúc thời hạn thuê tàu nêu tại Điều 2 Hợp đồng này. Bên thuê tàu phải thông báo bằng văn bản cho bên cho thuê tàu về thời gian và địa điểm hoàn trả tàu trước ít nhất 15 ngày trước ngày phải hoàn trả tàu. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời gian, địa điểm hoàn trả tàu sẽ phải được thông báo ngay lập tức cho bên cho thuê tàu và phải được sự đồng ý của bên cho thuê tàu.

Việc thuê tàu thực tế sẽ chấm dứt vào ngày T1 được hoàn trả trong điều kiện và tình trạng hoạt động tốt, máy chính, máy phụ, các trang thiết bị trên tàu được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ theo yêu cầu của Đăng kiểm, yêu cầu khác theo quy trình quản lý an toàn lưu hành trên tàu ngoại trừ các hao mòn và hỏng hóc tự nhiên trong quá trình khai thác tàu.

Trách nhiệm bên thuê tàu: Bên thuê tàu có một số trách nhiệm chính như:

Bên thuê tàu sẽ phải bảo dưỡng để duy trì tàu, máy móc, phụ tùng và vật tư trong tình trạng tốt, đúng định kỳ và theo quy định của Đăng kiểm cũng như bảo dưỡng theo tình trạng thực tế trong quá trình khai thác, thuê tàu.

Bên thuê tàu có nghĩa vụ sửa chữa các hư hỏng của tàu trong thời hạn thuê tàu và phải thông báo bằng văn bản ngay lập tức cho Bên cho thuê tàu biết việc này.

Bên thuê tàu chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí cho việc lên đà định kỳ hoặc lên đà trung gian theo thời gian quy định của Đăng Kiểm. Bên thuê tàu vẫn phải thanh toán tiền thuê tàu trong thời gian thực hiện lên đà định kỳ hoặc trung gian theo quy định của Đăng kiểm.

Lãi chậm thanh toán: Theo mức lãi suất bằng 15%/năm và thời gian thực tế chậm thanh toán.

Phạt do chậm bàn giao tàu: Bằng 8% tiền thuê tàu cho những ngày chậm hoàn trả tàu. Ngoài ra Hợp đồng còn quy định về bồi thường thiệt hại và một số điều khoản khác.

Quá trình thực hiện các hợp đồng và sự vi phạm các nội dung hợp đồng thuê tàu trên của Công ty T5, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng thuê tàu trên số: 01/2019/VSG-HT ngày 05/3/2019 với những nội dung chính như sau:

Thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng số 01, ngày 09/03/2019 Công ty C đã bàn giao tàu Công Minh 18 và đầy đủ hồ sơ pháp lý của Con Tàu cho Công ty T5. Đồng thời, Công ty C đã thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận trong Hợp đồng số 01.

Công ty T5 đã nhận bàn giao tàu Công Minh 18 và đưa tàu vào khai thác. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 01, H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể kể từ tháng 08/2020 đến nay Công ty T5 liên tục thanh toán thiếu/không thanh toán cho Công ty C mặc dù đã được Công ty C Phía Nam đôn đốc nhắc nhở nhưng Công ty T5 vẫn không thanh toán tiền thuê tàu cho Công ty C trong nhiều tháng liền.

Như vậy, số tiền thuê Tàu Công Minh 18 mà Công ty T5 phải trả cho Công ty C từ ngày 09/3/2019 đến ngày 17/6/2022 là 7.816.364.860 đồng, số tiền Công ty T5 đã trả cho Công ty C là 4.201.907.678 đồng, số tiền thuê tàu còn lại Công ty T5 còn nợ tính đến ngày 29/6/2023 là 3.614.457.182 đồng.

Căn cứ tiết điểm c, khoản 1, Điều 24 của Hợp đồng số 01, ngày 12/01/2021 VSG đã gửi Công văn số 07/2021/CV/TVPC yêu cầu hoàn trả tàu Công Minh 18 do Công ty T5 vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá 30 ngày làm việc. Đồng thời, yêu cầu Công ty T5 thu xếp hoàn trả tàu Công Minh 18 trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này và đề nghị Công ty T5 thông báo cụ thể thời gian và địa điểm dự kiến sẽ bàn giao tàu Công Minh 18.

Ngày 14/01/2021, Công ty T5 nhận được Công văn số 07/2021/CV/TVPC của Công ty C về việc yêu cầu hoàn trả tàu và Công ty T5 có nghĩa vụ hoàn trả tàu Công Minh 18 trong vòng 15 ngày kể từ ngày 14/01/2021, tức ngày 29/01/2021 là thời hạn cuối Công ty T5 phải hoàn trả tàu Công Minh 18. Tuy nhiên, đến ngày 17/6/2022 Công ty T5 mới thực hiện bàn giao Tàu Công Minh 18 cho Công ty C.

Như vậy, Công ty T5 đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 21 của Hợp đồng số 01 nên Công ty T5 phải thanh toán cho Công ty C khoản tiền phạt vi phạm bằng 8% tiền thuê tàu cho những ngày chậm hoàn trả tàu. Số tiền phạt chậm trả tàu

được tính từ ngày 29/01/2021 đến ngày 17/6/2022 với tổng số tiền là 261.280.308 đồng.

Đối với khoản tiền đặt cọc căn cứ theo khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng số 01 nêu trên thì Công ty T5 có nghĩa vụ đặt cọc 1.000.000.000 đồng cho Công ty C để bảo đảm việc thực hiện hợp đồng, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng số 01 thì Công ty T5 có nghĩa vụ đặt cọc cho Công ty C hai đợt, đợt 1 số tiền 600.000.000 đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày hai bên ký kết Hợp đồng số 01.

Tuy nhiên, Công ty T5 đã không chuyển số tiền 600.000.000 đồng tiền đặt cọc này cho Công ty C. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Hợp đồng số 01 nêu trên Công ty T5 phải chịu khoản tiền phạt do chậm chuyển tiền đặt cọc với mức lãi suất là 15%/năm. Như vậy, số tiền phạt do chậm chuyển tiền đặt cọc được tính từ ngày 10/3/2019 đến ngày 17/6/2022 mà Công ty T5 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty C là 294.657.534 đồng.

Tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2023 mà Công ty T5 còn nợ Công ty C đối với Tàu Công Minh 18 là: 5.490.131.487 đồng, bao gồm các khoản tiền sau: tiền thuê tàu: 3.614.457.182 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu: 1.319.736.463 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tiền cọc: 294.657.534 đồng; tiền phạt do chậm hoàn trả tàu: 261.280.308 đồng.

2. Hợp đồng thuê tàu trần số: 02/2019/VSG-HT ngày 05/3/2019 với những nội dung chính như sau:

Thực hiện nghiêm các quy định trong hợp đồng, ngày 08/06/2019 VSG đã bàn giao tàu Hải Phương 619 và đầy đủ hồ sơ pháp lý của Con Tàu cho Công ty T5. Đồng thời Công ty C đã thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận trong Hợp đồng số 02.

Ngày 12/03/2019, Công ty T5 đã đặt cọc số tiền: 1.500.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 02, Công ty T5 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể kể từ ngày nhận bàn giao tàu Hải Phương 619 đến nay Công ty T5 liên tục thanh toán thiếu/không thanh toán cho VSG. Mặc dù đã được VSG đôn đốc nhắc nhở nhưng Công ty T5 vẫn không thanh toán tiền thuê tàu cho VSG trong nhiều tháng liền.

Như vậy, số tiền thuê tàu Hải Phương 619 mà Công ty T5 phải trả cho Công ty C từ ngày 06/6/2019 đến ngày 28/9/2022 là 15.769.966.005 đồng, số tiền Công ty T5 đã trả cho Công ty C là 4.334.935.980 đồng, số tiền Công ty T5 còn nợ tính đến ngày 29/6/2023 là 11.435.060.025 đồng.

Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 24 của Hợp đồng số 02, ngày 12/01/2021 VSG đã gửi Công văn số 07/2021/CV/TVPC yêu cầu hoàn trả tàu Hải Phương 619 do Công ty T5 vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá 30 ngày làm việc, đồng thời yêu cầu Hải Tín thu xếp hoàn trả tàu Hải Phương 619 trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, đề nghị Hải T2 thông báo cụ thể thời gian và địa điểm dự kiến sẽ bàn giao tàu Hải Phương 619.

Ngày 14/01/2021, Công ty T5 nhận được Công văn số 07/2021/CV/TVPC của VSG nêu trên và Công ty T5 có nghĩa vụ hoàn trả tàu Hải Phương 619 cho

VSG trong vòng 15 ngày kể từ ngày 14/01/2021, tức ngày 29/01/2021 là thời hạn cuối Hải Tín phải hoàn trả tàu Hải Phương 619 cho VSG. Tuy nhiên, đến ngày 28/9/2022 Công ty T5 mới thực hiện bàn giao Tàu H 619 cho VSG.

Như vậy, Công ty T5 đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 21 của Hợp đồng số 02 nêu trên nên Công ty T5 phải thanh toán cho Công ty C khoản tiền phạt vi phạm bằng 8% tiền thuê tàu cho những ngày chậm hoàn trả tàu. Số tiền phạt chậm trả tàu được tính từ ngày 29/01/2021 đến ngày 28/9/2022 với tổng số tiền là 635.476.262 đồng.

Tại đơn khởi kiện Công ty C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn Công ty T5 hoàn trả lại tàu Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619.

Yêu cầu Công ty T5 phải thanh toán ngay cho VSG tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2021 là: 10.478.833.267 đồng, trong đó bao gồm các khoản tiền cụ thể như sau: Tiền thuê tàu Công Minh là 1.994.623.654; tiền lãi do chậm thanh toán tiền thuê tàu Công Minh 391.252.535 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán tiền cọc 215.506.849 đồng; tiền phạt do chậm hoàn trả tàu Công Minh 97.655.627 đồng; Tiền thuê tàu H phương.278.921.475 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán tiền thuê tàu Hải Phương 998.168.478 đồng; tiền phạt do chậm hoàn trả tàu Hải Phương 195.311.254 đồng; tiền phí bảo hiểm P&I của tàu Hải Phương 357.393.395 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty C có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về các khoản: Buộc bị đơn hoàn trả lại tàu Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619 và số tiền phí bảo hiểm P (*Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu*) của tàu Hải Phương đối với số tiền 357.393.395 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty C yêu cầu Công ty T5 thanh toán số tổng số tiền tính đến ngày 28/8/2024 là 21.428.611.945 đồng. Ngoài ra, Công ty T5 tiếp tục phải thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện việc thanh toán tiền thuê tàu cho đến khi Công ty T5 thực hiện xong việc thanh toán công nợ cho Công ty C.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2003, ông Nguyễn Duy T là theo pháp luật của Công ty TNHH T5 là bị đơn trình bày:

Công ty T5 có thuê tàu Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619. Trước khi nhận tàu Công ty T5 có ký hợp đồng với Công ty C phía nam với các điều khoản sau: Bàn giao tàu ở Việt Nam; tàu có khả năng đi biển; tàu có hồ sơ, tài liệu phù hợp với quy định của pháp luật; vỏ tàu, máy tàu phải sẵn sàng hoạt động; tàu khi bàn giao phải sẵn sàng nhận hàng hóa. Nhưng trong thực tế Công ty C phía nam không bàn giao tàu theo đúng điều khoản của hợp đồng nên gây thiệt hại cho Công ty T5 khiến Công ty phải bỏ nhiều chi phí sửa chữa bảo dưỡng mất thời gian, mất cơ hội và mất khách hàng. Chi phí sửa chữa đưa tàu về Việt Nam Công ty C không hợp tác không bồi thường cho Hải T2. Khi hết hợp đồng Công ty T5 thiện chí trả lại tài sản. Hiện khoản phí neo đậu tàu ở Philippin Công ty C vẫn không thanh toán cho Công ty T5. Ngoài lời khai trên Công ty T5 không cung cấp bất kỳ cứ chứng cứ, tài liệu nào liên quan đến vụ án cho Tòa án.

Đồng thời, ông Nguyễn Duy T3 là theo pháp luật của Công ty TNHH T5 có

đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ trình tự, thủ tục luật định nhưng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức lưu ý về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về:

Buộc Công ty TNHH T5 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 28/8/2024 tổng cộng 21.133.954.411 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần C về việc buộc Công ty TNHH T5 phải trả tiền lãi chậm thanh toán tiền cọc tàu Công Minh 18 số tiền 294.657.534 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần C về việc buộc Công ty TNHH T5 trả tiền phí bảo hiểm P (Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu) của tàu Hải Phương 619 và yêu cầu hoàn trả tàu Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn Công ty C khởi kiện bị đơn là Công ty TNHH T5 về “Tranh chấp hợp đồng thuê tàu” được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại; bị đơn có trụ sở tại thành phố T. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- *Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Ngọc L và ông Trần Huy V có mặt; bị đơn Công ty TNHH T5 có ông Nguyễn Duy T là đại diện theo pháp luật có đơn đề nghị vắng mặt nên Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy T.

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn Công ty Cổ phần C có đơn xin rút lại yêu cầu *buộc bị đơn trả tiền phí bảo hiểm P2 (Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu) và buộc bị đơn hoàn trả tàu Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619*. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

- *Về yêu cầu của đương sự:*

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số VN-3913-VT do Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 10/11/2015 và Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số VN-3984-VT do Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 20/4/2016 thì Ngân hàng TMCP H2 là chủ sở hữu tàu Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619.

Căn cứ Hợp đồng thuê tàu trần ngày 09/7/2018 giữa Ngân hàng TMCP H2 và Công ty Cổ phần C thì Ngân hàng đồng ý cho Công ty Cổ phần C thuê cả đội tàu gồm 35 con tàu, trong đó có tàu Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619. Theo Điều 15 của Hợp đồng thuê tàu trần, Công ty Cổ phần C được quyền cho thuê lại tàu.

Theo các Hợp đồng thuê tàu trần số: 01/2019/VSG-HT; Hợp đồng thuê tàu trần số: 02/2019/VSG-HT cùng ngày 05/3/2019 giữa Công ty C và Công ty TNHH T5 được Người đại diện theo pháp luật ký kết bằng văn bản. Xét đây là Hợp đồng thuê tàu có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên ký kết giao dịch một cách tự nguyện nên đây là giao dịch hợp pháp, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu Công ty T5 phải thanh toán ngay tổng số tiền tính đến ngày 28/8/2024 là: 21.428.611.945 đồng, trong đó bao gồm các khoản tiền cụ thể như sau:

Tiền thuê Tàu Công Minh từ ngày 09/3/2019 đến ngày 17/6/2022 (ngày trả tàu) 3.614.457.182 đồng; tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê Tàu Công Minh 18, từ ngày 15/3/2019 đến ngày 28/8/2024 1.952.514.035; tiền lãi chậm thanh toán tiền cọc thuê Tàu Công Minh 18 từ ngày 10/3/2019 đến ngày 17/6/2022 (ngày trả tàu) Công Minh là 294.657.534 đồng; tiền phạt do chậm hoàn trả Tàu Công Minh 18 từ ngày 16/3/2022 đến ngày 17/6/2022 44.883.719 đồng.

Tiền thuê Tàu Hải P1 từ ngày 08/6/2019 đến ngày 27/9/2022 (ngày trả Tàu) sau khi đã đối trừ với tiền đặt cọc 1.500.000 đồng là 9.935.030.025 đồng; tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê Tàu Hải P1 619 từ ngày 15/6/2019 đến ngày 28/8/2024 số tiền 5.400.926.520 đồng; tiền phạt do chậm hoàn trả Tàu Hải Phương từ ngày 01/4/2022 đến ngày 27/9/2022 là 186.142.930 đồng.

Theo nội dung của các hợp đồng thuê tàu trần số: 01/2019/VSG-HT; Hợp đồng thuê tàu trần số: 02/2019/VSG-HT cùng ngày 05/3/2019 giữa Công ty C và Công ty T5 thì có cơ sở xác định Công ty C vào các ngày 09/3/2019 và ngày 08/6/2019 đã bàn giao 02 con tàu gồm tàu Công Minh và tàu Hải Phương cho Công ty T5 với đầy đủ hồ sơ pháp lý, phía Công ty T5 cũng đã đặt cọc số tiền 1.500.000.000 đồng đối với Tàu Hải P1 cho Công ty T5. Đồng thời, Công ty T5 cũng đã đưa 02 con tàu trên vào khai thác.

[1.2] Xét, quá trình thực hiện hợp đồng, việc thanh toán tiền thuê tàu.

Công ty T5 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tàu cho Công ty C. Cụ thể, đối với tàu Công Minh, Công ty T5 mới chỉ thanh toán được đến tháng

7/2020; đối với tàu Hải Phương thì từ ngày bàn giao cho đến nay Công ty T5 chưa thanh toán kỳ nào cho Công ty C là đã vi phạm thỏa thuận của các bên tại Điều 5 của các Hợp đồng, vi phạm quy định tại Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015, hiện hợp đồng thuê tàu giữa các bên đã hết hạn. Do vậy, việc Công ty Cổ phần C khởi kiện yêu cầu Công ty T5 phải thanh toán tiền thuê tàu Công Minh và tàu Hải Phương là có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tàu Công Minh, thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày bàn giao tàu là ngày 09/3/2019 nên thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 09/3/2022. Đối với tàu Hải Phương thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày bàn giao tàu là ngày 03/6/2019 nên thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 03/6/2022. Tuy nhiên, theo thỏa thuận của các bên tại khoản 1 Điều 21 của các Hợp đồng thì trường hợp chậm giao trả tàu thì Công ty T5 vẫn phải trả tiền thuê tàu cho đến ngày thực tế bàn giao lại tàu cho Công ty C.

Theo Biên bản về việc bàn giao thì tàu Công Minh 18 được hoàn trả vào ngày 17/6/2022 nên Công ty T5 có trách nhiệm trả tiền thuê tàu từ tháng 8/2020 cho đến hết ngày 17/6/2022 với tổng số tiền là 3.614.457.182 đồng; Tàu Hải Phương 619 được hoàn trả vào ngày 28/9/2022 nên Công ty T5 có trách nhiệm trả tiền thuê tàu từ tháng 03/6/2019 cho đến hết ngày 28/9/2022 với tổng số tiền là 9.935.030.025 đồng cho Công ty C.

[1.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu:

Theo thỏa thuận của các bên tại Điều 21 của các Hợp đồng, trường hợp Công ty T5 chậm thanh toán thì phải trả lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 15%/năm trên thời gian thực tế chậm thanh toán. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 nên chấp nhận yêu cầu của Công ty C về việc tính lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu.

Tính đến ngày 28/8/2004, tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu Công Minh 18 là 1.952.514.035 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu Hải Phương 619 là 5.400.926.520 đồng.

[1.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tiền đặt cọc tàu Công Minh 18:

Theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 5 Hợp đồng số 01/2019/VSG-HT ngày 05/3/2019 về việc thuê tàu Công Minh 18 thì tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng chia làm 02 đợt. Đợt 1: 600.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng 05 ngày, Đợt 2: 400.000.000 đồng trong vòng 30 ngày trước ngày tàu lên đà sửa chữa định kỳ hoặc trung gian theo yêu cầu của Đăng kiểm.

Tuy nhiên, phía nguyên đơn xác định cho đến hiện nay Công ty T5 vẫn chưa thanh toán tiền đặt cọc tàu Công Minh 18. Căn cứ Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc đặt cọc là để đảm bảo giao kết hoặc thực hiện hợp đồng, khi hợp đồng được thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Trong vụ án này, Công ty T5 không thực hiện việc chuyển tiền cọc nhưng các bên vẫn tiến hành giao kết và thực hiện hợp đồng trên thực tế mà Công ty C cũng không yêu cầu Công ty T5 phải giao tiền cọc nên việc nguyên

đơn yêu cầu Công ty T5 phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền cọc chưa thanh toán là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền phạt chậm hoàn trả tàu Công Minh 18 và H:

Theo thỏa thuận của các bên tại khoản 2 Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 21, điểm c khoản 1 Điều 24 của các Hợp đồng, trường hợp bên thuê tàu vi phạm hợp đồng thì bên cho thuê tàu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng và yêu cầu hoàn trả tàu, bên thuê tàu phải chịu phạt một khoản tiền phạt vi phạm bằng 8% tiền thuê tàu cho những ngày chậm hoàn trả tàu. Thỏa thuận của các bên là phù hợp với Điều 300, 301 Luật Thương mại năm 2005 nên chấp nhận.

Theo biên bản thỏa thuận về phương án xử lý công nợ thuê tàu ngày 09/3/2022, Công ty T5 cam kết chậm nhất đến ngày 15/3/2022 sẽ giao trả tàu Công Minh 18, chậm nhất đến ngày 31/3/2022 sẽ giao trả tàu Hải Phương 619. Tuy nhiên, đến ngày 17/6/2022, Công ty T5 mới giao trả tàu Công Minh 18 và ngày 27/9/2022 mới giao trả tàu Hải Phương 619.

Do đó, buộc Công ty T5 có trách nhiệm phải trả tiền phạt cho việc chậm trả tàu Công Minh 18 từ ngày 16/3/2022 đến ngày 17/6/2022 với số tiền là 44.883.719 đồng, tiền phạt cho việc chậm trả tàu Hải Phương từ ngày 01/4/2022 đến ngày 27/9/2022 với số tiền là 186.142.930 đồng.

[2]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải nộp án phí trên phần không được chấp nhận. Bị đơn Công ty T5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 217, Điều 220; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 328, 472, 481 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 300, 301, 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần C:

Buộc Công ty TNHH T5 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 28/8/2024 tổng cộng 21.133.954.411 đồng, bao gồm các khoản sau:

Tiền thuê tàu Công Minh 18 là 3.614.457.182 đồng; tiền thuê tàu Hải Phương 619 là 9.935.030.025 đồng;

T4 lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu Công Minh 18 là 1.952.514.035 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu Hải Phương 619 là 5.400.926.520 đồng;

Tiền phạt vi phạm do chậm hoàn trả tàu Công Minh 18 là 44.883.719 đồng; tiền phạt vi phạm do chậm hoàn trả tàu Hải Phương 619 là 186.142.930 đồng.

1.1 Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần C về việc buộc Công ty TNHH T5 phải trả tiền lãi chậm thanh toán tiền cọc tàu Công Minh 18 số tiền 294.657.534 đồng.

1.2 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần C về việc buộc Công ty TNHH T5 trả tiền phí bảo hiểm P (Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu) của tàu Hải Phương 619 và yêu cầu hoàn trả tàu Công Minh 18 và tàu Hải Phương 619.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 15%/năm (phù hợp với Điều 306 Luật Thương Mại năm 2005).

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần C phải chịu số tiền án phí 14.732.877 đồng (*mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy*), được trừ đi số tiền 59.264.416 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0027404 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. H1 lại cho Công ty Cổ phần C số tiền 44.531.539 đồng.

Công ty TNHH T5 phải chịu tiền án phí là 129.133.954 đồng. Công ty TNHH T5 chưa nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết, đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Ngọc

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Ngọc